

DANH MỤC CỔ PHIẾU KÝ QUỸ (MARGIN)

Ngày hiệu lực: 05/09/2019

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
1	AAA	50%	HSX
2	ABT	50%	HSX
3	ACC	40%	HSX
4	ACL	30%	HSX
5	ADS	45%	HSX
6	AGM	30%	HSX
7	ANV	40%	HSX
8	APG	30%	HSX
9	ASM	40%	HSX
10	ASP	35%	HSX
11	BBC	40%	HSX
12	BCE	40%	HSX
13	BFC	50%	HSX
14	BIC	45%	HSX
15	BID	50%	HSX
16	BMC	35%	HSX
17	BMI	40%	HSX
18	BMP	50%	HSX
19	BRC	35%	HSX
20	BSI	50%	HSX
21	BTT	40%	HSX
22	BVH	50%	HSX
23	BWE	30%	HSX
24	C32	50%	HSX
25	CAV	45%	HSX
26	CCI	30%	HSX
27	CCL	40%	HSX
28	CDC	30%	HSX
29	CII	50%	HSX
30	CLC	40%	HSX
31	CLL	50%	HSX
32	CMG	40%	HSX
33	CMV	30%	HSX
34	CNG	50%	HSX
35	COM	40%	HSX
36	CRC	20%	HSX
37	CRE	40%	HSX
38	CSM	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
39	CSV	50%	HSX
40	CTD	40%	HSX
41	CTF	30%	HSX
42	CTG	50%	HSX
43	CTI	40%	HSX
44	CTS	50%	HSX
45	CVT	40%	HSX
46	D2D	50%	HSX
47	DAT	30%	HSX
48	DCM	50%	HSX
49	DGW	50%	HSX
50	DHA	50%	HSX
51	DHC	45%	HSX
52	DHG	50%	HSX
53	DHM	30%	HSX
54	DIC	40%	HSX
55	DIG	50%	HSX
56	DLG	30%	HSX
57	DMC	50%	HSX
58	DPG	20%	HSX
59	DPM	50%	HSX
60	DPR	40%	HSX
61	DRC	50%	HSX
62	DRH	30%	HSX
63	DRL	30%	HSX
64	DSN	50%	HSX
65	DTT	30%	HSX
66	DVP	50%	HSX
67	DXG	50%	HSX
68	EMC	30%	HSX
69	EVE	40%	HSX
70	EVG	50%	HSX
71	FCM	40%	HSX
72	FCN	50%	HSX
73	FIT	50%	HSX
74	FLC	50%	HSX
75	FMC	40%	HSX
76	FPT	50%	HSX
77	FTS	50%	HSX
78	GAS	50%	HSX
79	GDT	40%	HSX
80	GEX	50%	HSX
81	GMC	50%	HSX
82	GMD	50%	HSX
83	GSP	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
84	GTA	35%	HSX
85	GTN	45%	HSX
86	HAH	50%	HSX
87	HAP	40%	HSX
88	HAR	40%	HSX
89	HAX	35%	HSX
90	HBC	50%	HSX
91	HCD	50%	HSX
92	HCM	50%	HSX
93	HDB	50%	HSX
94	HDC	40%	HSX
95	HHS	50%	HSX
96	HII	50%	HSX
97	HMC	30%	HSX
98	HOT	30%	HSX
99	HPG	50%	HSX
100	HQC	50%	HSX
101	HRC	35%	HSX
102	HSG	50%	HSX
103	HSL	20%	HSX
104	HT1	40%	HSX
105	HTI	40%	HSX
106	HTL	40%	HSX
107	HTV	45%	HSX
108	HU1	50%	HSX
109	HU3	50%	HSX
110	IBC	30%	HSX
111	IDI	40%	HSX
112	IJC	50%	HSX
113	IMP	50%	HSX
114	ITA	50%	HSX
115	ITD	40%	HSX
116	KBC	50%	HSX
117	KDH	40%	HSX
118	KMR	50%	HSX
119	KSB	45%	HSX
120	L10	40%	HSX
121	LBM	40%	HSX
122	LCG	45%	HSX
123	LDG	50%	HSX
124	LGC	40%	HSX
125	LGL	40%	HSX
126	LHG	45%	HSX
127	LIX	40%	HSX
128	LM8	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
129	MBB	50%	HSX
130	MDG	35%	HSX
131	MHC	40%	HSX
132	MSN	50%	HSX
133	MWG	50%	HSX
134	NAF	40%	HSX
135	NBB	40%	HSX
136	NKG	50%	HSX
137	NLG	50%	HSX
138	NNC	50%	HSX
139	NSC	50%	HSX
140	NT2	50%	HSX
141	NTL	50%	HSX
142	NVL	50%	HSX
143	OPC	50%	HSX
144	PAC	50%	HSX
145	PAN	50%	HSX
146	PC1	45%	HSX
147	PDN	45%	HSX
148	PDR	40%	HSX
149	PET	50%	HSX
150	PGC	50%	HSX
151	PGD	50%	HSX
152	PGI	45%	HSX
153	PHR	50%	HSX
154	PJT	40%	HSX
155	PLX	50%	HSX
156	PME	50%	HSX
157	PNJ	50%	HSX
158	PPC	50%	HSX
159	PTB	45%	HSX
160	PVT	50%	HSX
161	RAL	50%	HSX
162	REE	50%	HSX
163	ROS	25%	HSX
164	S4A	50%	HSX
165	SAB	50%	HSX
166	SAM	50%	HSX
167	SBA	40%	HSX
168	SBT	50%	HSX
169	SC5	40%	HSX
170	SCR	50%	HSX
171	SFG	45%	HSX
172	SFI	40%	HSX
173	SHA	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
174	SHI	40%	HSX
175	SHP	35%	HSX
176	SJD	40%	HSX
177	SJF	50%	HSX
178	SJS	40%	HSX
179	SMA	30%	HSX
180	SMC	40%	HSX
181	SPM	30%	HSX
182	SRC	45%	HSX
183	SSC	35%	HSX
184	SSI	50%	HSX
185	ST8	30%	HSX
186	STB	50%	HSX
187	STG	35%	HSX
188	STK	30%	HSX
189	SVC	40%	HSX
190	SVI	35%	HSX
191	SVT	30%	HSX
192	SZL	45%	HSX
193	TAC	40%	HSX
194	TBC	30%	HSX
195	TCB	30%	HSX
196	TCD	30%	HSX
197	TCH	50%	HSX
198	TCL	50%	HSX
199	TCM	50%	HSX
200	TCO	30%	HSX
201	TCT	45%	HSX
202	TDG	50%	HSX
203	TDH	50%	HSX
204	TDW	35%	HSX
205	TEG	40%	HSX
206	THG	45%	HSX
207	THI	50%	HSX
208	TIP	40%	HSX
209	TIX	35%	HSX
210	TLD	30%	HSX
211	TLG	45%	HSX
212	TLH	45%	HSX
213	TMP	40%	HSX
214	TMS	40%	HSX
215	TNA	45%	HSX
216	TNC	40%	HSX
217	TNI	30%	HSX
218	TPB	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
219	TPC	35%	HSX
220	TRA	50%	HSX
221	TRC	40%	HSX
222	TTB	40%	HSX
223	TV2	45%	HSX
224	TVS	50%	HSX
225	TYA	30%	HSX
226	UIC	45%	HSX
227	VAF	35%	HSX
228	VCB	50%	HSX
229	VCF	40%	HSX
230	VCI	50%	HSX
231	VDS	50%	HSX
232	VFG	45%	HSX
233	VGC	50%	HSX
234	VHC	50%	HSX
235	VHM	50%	HSX
236	VIC	50%	HSX
237	VID	50%	HSX
238	VJC	50%	HSX
239	VMD	45%	HSX
240	VND	50%	HSX
241	VNE	50%	HSX
242	VNG	35%	HSX
243	VNM	50%	HSX
244	VNS	45%	HSX
245	VPB	50%	HSX
246	VPG	20%	HSX
247	VPH	45%	HSX
248	VPI	30%	HSX
249	VPS	45%	HSX
250	VRC	40%	HSX
251	VRE	50%	HSX
252	VSC	50%	HSX
253	VSI	35%	HSX
254	VTB	40%	HSX
255	VTO	45%	HSX
256	ACB	50%	HNX
257	ADC	30%	HNX
258	ALT	30%	HNX
259	AME	30%	HNX
260	ARM	30%	HNX
261	BAX	50%	HNX
262	BBS	30%	HNX
263	BDB	20%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
264	BPC	50%	HNX
265	BSC	25%	HNX
266	BST	20%	HNX
267	BTS	40%	HNX
268	BVS	50%	HNX
269	BXH	25%	HNX
270	C69	50%	HNX
271	CAP	40%	HNX
272	CEO	50%	HNX
273	CIA	30%	HNX
274	CLH	40%	HNX
275	CLM	30%	HNX
276	CPC	40%	HNX
277	CSC	50%	HNX
278	CTB	20%	HNX
279	CTT	50%	HNX
280	CX8	20%	HNX
281	D11	30%	HNX
282	DAD	50%	HNX
283	DAE	40%	HNX
284	DBT	40%	HNX
285	DC4	30%	HNX
286	DGC	50%	HNX
287	DHP	40%	HNX
288	DHT	45%	HNX
289	DID	30%	HNX
290	DNC	40%	HNX
291	DNP	35%	HNX
292	DPC	30%	HNX
293	DS3	20%	HNX
294	DXP	40%	HNX
295	EBS	40%	HNX
296	ECI	30%	HNX
297	GLT	50%	HNX
298	GMX	30%	HNX
299	HAD	40%	HNX
300	HBS	30%	HNX
301	HCC	30%	HNX
302	HDA	50%	HNX
303	HEV	30%	HNX
304	HHC	50%	HNX
305	HHG	30%	HNX
306	HJS	40%	HNX
307	HLC	30%	HNX
308	HLD	45%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
309	HMH	50%	HNX
310	HOM	40%	HNX
311	HST	30%	HNX
312	HTC	35%	HNX
313	HTP	40%	HNX
314	IDV	50%	HNX
315	INC	30%	HNX
316	INN	40%	HNX
317	ITQ	35%	HNX
318	KLF	50%	HNX
319	KMT	35%	HNX
320	KST	40%	HNX
321	KTS	40%	HNX
322	KVC	35%	HNX
323	L14	40%	HNX
324	L18	40%	HNX
325	L62	35%	HNX
326	LAS	50%	HNX
327	LBE	30%	HNX
328	LCD	30%	HNX
329	LHC	45%	HNX
330	LIG	35%	HNX
331	MAC	40%	HNX
332	MAS	50%	HNX
333	MBG	50%	HNX
334	MBS	50%	HNX
335	MCC	35%	HNX
336	MCF	40%	HNX
337	MCO	30%	HNX
338	MDC	35%	HNX
339	MST	35%	HNX
340	NAG	40%	HNX
341	NBC	35%	HNX
342	NBP	30%	HNX
343	NDN	50%	HNX
344	NET	50%	HNX
345	NFC	40%	HNX
346	NHA	50%	HNX
347	NHC	35%	HNX
348	NSH	30%	HNX
349	NTP	50%	HNX
350	NVB	50%	HNX
351	ONE	50%	HNX
352	PBP	50%	HNX
353	PCE	35%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
354	PDB	40%	HNX
355	PGS	50%	HNX
356	PIC	50%	HNX
357	PJC	40%	HNX
358	PLC	50%	HNX
359	PMB	35%	HNX
360	PMC	50%	HNX
361	PMS	35%	HNX
362	POT	30%	HNX
363	PPP	30%	HNX
364	PPS	30%	HNX
365	PPY	30%	HNX
366	PSC	30%	HNX
367	PSD	35%	HNX
368	PSE	30%	HNX
369	PSW	30%	HNX
370	PTI	40%	HNX
371	PTS	40%	HNX
372	PVG	50%	HNX
373	PVI	50%	HNX
374	PVS	50%	HNX
375	QTC	35%	HNX
376	RCL	45%	HNX
377	S55	35%	HNX
378	SAF	40%	HNX
379	SCI	30%	HNX
380	SD4	40%	HNX
381	SD5	40%	HNX
382	SD9	45%	HNX
383	SDC	30%	HNX
384	SDG	35%	HNX
385	SDN	35%	HNX
386	SDT	45%	HNX
387	SEB	35%	HNX
388	SED	50%	HNX
389	SFN	30%	HNX
390	SGC	30%	HNX
391	SGD	30%	HNX
392	SGH	30%	HNX
393	SHB	50%	HNX
394	SHN	40%	HNX
395	SHS	50%	HNX
396	SJ1	30%	HNX
397	SJE	50%	HNX
398	SLS	30%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
399	SMN	30%	HNX
400	STC	30%	HNX
401	TA9	35%	HNX
402	TBX	30%	HNX
403	TC6	35%	HNX
404	TCS	30%	HNX
405	TDN	30%	HNX
406	TET	50%	HNX
407	THS	30%	HNX
408	THT	30%	HNX
409	TIG	35%	HNX
410	TKU	35%	HNX
411	TMC	35%	HNX
412	TMX	30%	HNX
413	TNG	45%	HNX
414	TSB	35%	HNX
415	TTC	35%	HNX
416	TTH	40%	HNX
417	TTT	50%	HNX
418	TV3	35%	HNX
419	TV4	35%	HNX
420	TVC	35%	HNX
421	TVD	30%	HNX
422	VBC	40%	HNX
423	VC1	35%	HNX
424	VC3	40%	HNX
425	VC6	30%	HNX
426	VC7	35%	HNX
427	VCC	35%	HNX
428	VCG	50%	HNX
429	VCM	35%	HNX
430	VCS	45%	HNX
431	VDL	35%	HNX
432	VE3	30%	HNX
433	VE4	30%	HNX
434	VGS	50%	HNX
435	VHL	45%	HNX
436	VIT	45%	HNX
437	VIX	45%	HNX
438	VMC	35%	HNX
439	VMS	35%	HNX
440	VNC	45%	HNX
441	VNR	50%	HNX
442	VNT	40%	HNX
443	VSA	45%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
444	VTV	45%	HNX
445	WCS	40%	HNX

QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Ngày áp dụng: Từ 03/11/2017

STT	Chỉ tiêu	Quy định tại HFT
Khoản vay và lãi suất		
1	Thời hạn khoản vay	Tối đa 90 ngày
2	Gia hạn khoản vay	Tối đa 01 lần
3	Lãi suất cho vay	9%/năm hay 0.025%/ngày
Tài sản đảm bảo		
4	Danh mục tài sản đảm bảo	Tiền mặt, Tiền bán chờ về
		Chứng khoán ký quỹ trên tài khoản và chờ về
5	Giá trị định giá quyền, cổ tức, cổ phiếu thường	Bằng 0
Các tỷ lệ quản trị rủi ro		
6	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	Tối thiểu 50%
7	Tỷ lệ ký quỹ duy trì	40%
8	Tỷ lệ cảnh báo	35%
9	Tỷ lệ giải chấp	30%
Rút tiền trên tài khoản ký quỹ		
10	Tỷ lệ ký quỹ khi rút tiền	Đảm bảo tỷ lệ ký quỹ ban đầu

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
HFT
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI



Hoàng Như Hải